

Bản án số: 14/2019/HS-ST

Ngày: 05- 4- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Liên

2. Bà Nguyễn Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST- HS, ngày 01 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn T**, tên gọi khác: không, sinh ngày 06/5/1971

Nơi đăng ký HKTT: Xóm TH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn T, đã chết, con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1947. Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có vợ là: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1973, có 02 con chung, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến ngày 26/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn M**, tên gọi khác: không, sinh ngày 11/02/1958

Nơi đăng ký HKTT: Xóm TH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang Th, đã chết, con bà: Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1929. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có vợ là: Nguyễn Thị S, sinh năm 1963, có 05 con chung, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2018 đến

ngày 30/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 07/9/1976.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm TH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Huy Ng, sinh năm 1952, con bà: Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1952. Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có vợ là: Nguyễn Thị N, sinh năm 1978, có 02 con chung, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2018 đến ngày 30/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Bế Văn L**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/6/1987.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm TĐ, xã VH, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bế Văn T, đã chết, con bà: Dương Thị D, sinh năm 1953. Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; có vợ là: Lý Thị T, sinh năm 1993, có 01 con chung sinh năm 2014; tiền án: có 01, tại Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến ngày 18/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Lường Văn S**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 04/8/1978.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm TĐ, xã VH, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Trung K, con bà: Nguyễn Thị H, đều đã chết. Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình; có vợ là: Đỗ Thị D, sinh năm 1980, có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử về tội “Đánh bạc” nhưng được miễn trách nhiệm hình sự; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến ngày 26/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Hà Văn T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13/4/1968.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm BN, xã TL, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn C, con bà: Nguyễn Thị P, đều đã chết. Gia đình có 10 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; có vợ là: Nguyễn Thị TH, sinh năm 1970, có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/11/2018 đến ngày

30/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ **Người làm chứng:** Anh Nông Văn S, sinh năm 1969 – Vắng mặt
Trú tại: Xóm TH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T.

+ **Người chứng kiến:** Anh Nông Văn T, sinh năm 1970 – Vắng mặt
Trú tại: Xóm TH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ ngày 21/11/2018, tại gian bếp nhà của Nông Văn T (ở xóm VH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T), Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Bé Văn L, Lương Văn S, Hà Văn T, Trần Văn M, Nông Văn T đang đánh bạc dưới hình thức Chắn sát phạt nhau bằng tiền. Khi bắt quả tang có anh Nông Văn Sáng (sinh năm 1969, trú tại: xóm TH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T) đang có mặt tại nhà của T. Thu giữ tại chiếu bạc các vật chứng gồm: 8.600.000đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 100 quân bài Chắn; 01 chiếc chiếu cói; 01 chiếc cốc nhựa bên trong có 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc bát bằng sứ; 27 chiếc đũa tre. Thu giữ tại chiếu bạc 01 ví giả da màu đen của Trần Văn M bên trong có 5.900.000đ (Năm triệu chín trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thu giữ trong túi quần phía sau, bên phải của Nông Văn T 01 ví giả da màu nâu bên trong có 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thu giữ của Hà Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Dream, biển kiểm soát: 20G1-xxx.xx.

Đến hồi 09 giờ ngày 23/11/2018, Nguyễn Văn T đến Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tại Cơ quan điều tra các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Tối ngày 21/11/2018, Bé Văn L, Lương Văn S, Nguyễn Văn T đến nhà của Nông Văn T ở xóm TH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T để ăn cơm, uống rượu, khi mọi người đã ăn uống gần xong thì có Trần Văn M đến nhà T chơi, thấy mọi người uống rượu thì M cũng ngồi xuống uống rượu cùng, trong khi ăn cơm, uống rượu thì có người nói “*ăn xong đánh chắn nhé*” thì mọi người cùng đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút mọi người ăn cơm xong thì ra bàn ngồi uống nước, trong khi mọi người uống nước thì T đi mua bài Chắn, khi T về đến nhà thì cả nhóm gồm: L, S, T, M lại ngồi xuống chiếu trải ở gian bếp rồi cùng nhau đánh bạc, khi đánh bạc các bị can quy ước hai người ngồi đối diện nhau thì không ăn tiền của nhau nên T và M ngồi đối diện nhau, S và L ngồi đối diện nhau. Khi bắt đầu đánh bạc, các đối tượng thống nhất với nhau trong quá trình đánh bạc nếu ai ù to thì sẽ trích ra số

tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng cho vào chiếc cốc nhựa để sẵn trên chiếu để trả tiền công cho T thì được T đồng ý.

Phương tiện sử dụng để đánh bạc là sử dụng bộ bài chắn gồm 100 quân bài, 100 lá bài thì có các số nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu và ba chất là Vạn, Văn, Sách, ngoài ra còn có một loại lá bài đặc biệt có 04 con là Chi, chim ứng với mỗi chất và số sẽ có 04 con giống nhau. 100 quân bài được chia thành 4 phần tương ứng với vị trí ngồi của mỗi người, mỗi phần có 19 lá bài, ai đánh đầu tiên sẽ có 20 lá bài trong phần bài của mình, số còn lại đặt trong lòng một bát sứ, khi bắt đầu đánh bạc thì các đối tượng bốc quân bài để chọn người đánh trước (tức là ai có lá bài to nhất sẽ được đánh đầu tiên) rồi đến lượt người tiếp theo ngồi bên phải người đánh đầu sẽ đánh theo chiều ngược kim đồng hồ.

Về cách thức đánh bạc được các bị can quy định như sau: Ai được bài tròn thì thắng (gọi là ù), trong đó có các hình thức ù như sau: ù tám đỏ hai lèo, ù bạch định, ù bạch thủ chì, ù hai tôm, ù bạch thủ chi, ù chiu. Sau khi chia bài và trong mỗi ván bài, nếu ai ù xuống (là kiểu ù thấp nhất) sẽ được những người thua trả 40.000 đồng/ván, ù chiu (là kiểu ù cao hơn) sẽ được những người thua trả 60.000 đồng/ván, ù hai tôm thì những người thua phải trả cho người thắng 120.000 đồng/ván, ù tám đỏ hai lèo thì người thua sẽ phải trả cho người thắng số tiền cao nhất là 280.000 đồng/ván. Trong quá trình đánh bạc thì nếu có ai thắng (ù thông hai ván liên tiếp) thì sẽ được cộng thêm 20.000 đồng cho ván ù thứ hai. Trong ván bài nếu có ai ù có tôm; lèo; chì; bạch thủ thì dùng que đũa để tính tiền (mỗi que đũa được ngầm quy định là 20.000 đồng). Khi các đối tượng đang tham gia đánh bạc thì có Hà Văn T và Nông Văn Sáng đến ngồi uống nước với T ở chiếu bên cạnh. Đến khoảng 21 giờ 45 phút, Nguyễn Văn T hết tiền không chơi nữa thì Hà Văn T vào thay chân T tham gia đánh bạc.

Khi đi đánh bạc thì Bé Văn L mang theo số tiền 2.700.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, đánh được khoảng 15 ván, ù được ba lần, bỏ tiền vào cốc nhựa để ở chiếu 03 lần mỗi lần 50.000 đồng; Nguyễn Văn T mang theo 200.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, đánh được khoảng 10 ván thì thua hết tiền nên về trước. T ù được hai ván, bỏ tiền vào cốc nhựa để ở chiếu 02 lần mỗi lần 50.000 đồng; Hà Văn T mang theo 170.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, đánh được 01 ván bị thua 40.000 đồng; Lường Văn S có 2.000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, đánh được khoảng 15 ván; Trần Văn M mang theo 9.000.000 đồng, đánh được khoảng 15 ván, ù hai ván, bỏ tiền vào cốc nhựa để ở chiếu 02 lần mỗi lần 50.000 đồng.

Cả nhóm đánh bạc đến hồi 22 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án gồm: 18.950.000đ (Mười tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); 01 xe máy DREAM, BKS: 20G1-xxxxx số khung: RLHHA0805AY 288900, số máy HAO8E-1588995; 01 bộ bài chắn 100 quân; 27 chiếc đũa tre đã qua sử dụng; 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng; 01 chiếc đĩa sứ; 01 chiếc cốc bằng nhựa; 01 chiếc ví giả da màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc ví giả da màu nâu đã qua sử

dụng, bên ngoài có chữ H2 Leather. Hiện số vật chứng trên đang được bảo quản tại kho vật chứng và tài khoản của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT- VKSDH ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nông Văn T, Trần Văn M, Nguyễn Văn T, Bé Văn L, Lường Văn S và Hà Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Nông Văn T xác định tối ngày 21/11/2018 đã chuẩn bị các công cụ, dụng cụ và địa điểm là nhà ở của mình để cho Nguyễn Văn T, Trần Văn M, Bé Văn L, Lường Văn S và Hà Văn T đánh bạc bằng hình thức đánh chắn sát phạt nhau bằng tiền. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác của Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nông Văn T, Trần Văn M, Nguyễn Văn T, Bé Văn L, Lường Văn S và Hà Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ **Nông Văn T** từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Hà Văn T** từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Trần Văn M** từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Văn T** từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Lường Văn S** từ 09 đến 12 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Bế Văn L** từ 12 đến 15 tháng tù. Chuyển 06 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 22/2018/HS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ thành tù giam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 18 đến 21 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Vật chứng của vụ án; Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý như sau:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 14.850.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Dream, BKS: 20G1-xxxxx.

+ Tịch thu tiêu hủy 100 quân bài chắn; 01 chiếc chiếu cói; 01 chiếc cốc nhựa bên; 01 chiếc bát bằng sứ và 27 chiếc đĩa tre.

+ Trả lại cho bị cáo Nông Văn T số tiền 4.100.000 đồng và 01 chiếc ví giả da màu nâu, nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn M 01 chiếc ví giả da màu đen.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo T, L, M, S, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T vì bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật và mức án thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Khoảng 21 giờ ngày 21/11/2018, tại nhà riêng của mình thuộc xóm TH, xã VH, huyện Đ, tỉnh T, Nông Văn T đã cho Bế Văn L, Lương Văn S, Nguyễn Văn T, Trần Văn M và Hà Văn T đánh bạc dưới hình thức đánh chắn nhằm thu lợi bất chính. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị Tổ công tác của Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 8.600.000 đồng, thu giữ bên trong chiếc cốc nhựa đề trên chiếu bạc số tiền 350.000 đồng, thu giữ tại chiếu bạc 01 ví giả da màu đen của Trần Văn M bên trong có 5.900.000 đồng (là số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc), thu giữ trong túi quần phía sau, bên phải của Nông Văn T 01 ví giả da màu nâu bên trong có 4.100.000 đồng và một số vật chứng khác có liên quan.

Đối với bị cáo Nông Văn T tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo là người chuẩn bị công cụ, dụng cụ và cho các bị cáo khác sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính; do đó,

bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm cùng các bị cáo khác trong vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân làm phát các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, đồng thời gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy việc truy tố để xét xử đối với các bị cáo Nông Văn T, Trần Văn M, Bé Văn L, Lương Văn S Nguyễn Văn T và Hà Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 321 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

Đây là vụ án mà các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công thực hiện hành vi phạm tội từ trước mà do bột phát. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Nông Văn T là người giữ vai trò chính, mặc dù bị cáo không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng là người chuẩn bị công cụ, dụng cụ và dùng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để cho các bị cáo khác sử dụng vào việc đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Do đó bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác, các bị cáo còn lại tham gia một cách tích cực nên có vai trò như nhau trong vụ án.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Bé Văn L có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích; bị cáo Lương Văn S có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xử phạt về tội “Đánh bạc” nhưng được miễn trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Nông Văn T, Trần Văn M, Nguyễn Văn T và Hà Văn T đều xuất thân từ những người dân lao động, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự,

phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn M được Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới; do đó, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã đến Công an đầu thú về hành vi của mình; do đó, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nông Văn T, Trần Văn M, Lương Văn S, Nguyễn Văn T và Hà Văn T đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Bé Văn L đã có 01 tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm; do đó, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt: Khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Bé Văn L có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích; bị cáo Lương Văn S có nhân thân xấu, đã bị xét xử về cùng loại tội nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội; do đó, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung; tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nông Văn T, Trần Văn M, Nguyễn Văn T và Hà Văn T đều xuất thân từ những người lao động, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đơn xin được cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận, đề nghị nên xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Bé Văn L thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách; do đó, cần áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự chuyển hình phạt tù cho hưởng án treo tại Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thành tù giam và áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án này.

- Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thu lời bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn T thuộc hộ cận nghèo năm 2019, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; do đó, Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[5]. Vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 100 quân bài chắn; 01 chiếc chiếu cói; 01 chiếc cốc nhựa; 01 chiếc bát bằng sứ và 27 chiếc đũa tre là công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 8.600.000 đồng thu giữ tại nơi đánh bạc, số tiền 350.000 đồng thu giữ trong chiếc cốc nhựa để tại chiếu bạc và số tiền 5.900.000 đồng thu giữ trong ví giả da màu đen của Trần Văn M tại chiếu bạc, tổng cộng là 14.850.000 đồng là tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 4.100.000 đồng thu giữ trong ví của bị cáo Nông Văn T, quá trình điều tra và tại phiên tòa có căn cứ xác định đây là tiền riêng của bị cáo không dùng vào việc đánh bạc và không có liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 20G1-xxxxx, số khung: RLHHA0805AY 288900, số máy HAO8E – 1588995 thu giữ của bị cáo Hà Văn T, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều khai khẳng định nếu thua hết số tiền mang theo thì bị cáo sẽ cầm xe để lấy tiền đánh bạc; vì vậy, có đủ căn cứ xác định chiếc xe mô tô trên bị cáo đem theo mục đích để sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc ví giả da màu nâu thu giữ của Nông Văn T và 01 chiếc ví giả da màu đen thu giữ của Trần Văn M không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo quản lý sử dụng.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nông Văn T, Bế Văn L, Lường Văn S, Nguyễn Văn T, Trần Văn M và Hà Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này có Nông Văn S là người có mặt tại nhà T khi các bị cáo đánh bạc và bị bắt quả tang, tuy nhiên quá trình điều tra đã xác định S không tham gia đánh bạc nên cơ quan Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên không xử lý đối với S là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T, Bế Văn L, Lương Văn S, Nguyễn Văn T, Trần Văn M và Hà Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s (điểm v đối với bị cáo Trần Văn M) khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Nông Văn T** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Hà Văn T** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Trần Văn M** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Nguyễn Văn T** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nông Văn T, Trần Văn M, Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Đ, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hà Văn T cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Bế Văn L** 09 (Chín) tháng tù. Chuyển 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 22/2018/HS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh

Thái Nguyên thành tù giam. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam của bản án trước từ ngày 21/11/2017 đến ngày 21/12/2017 và thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 21/11/2018 đến ngày 18/01/2019. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Lường Văn S** 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến ngày 26/12/2018. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 14.850.000đ (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 (một) xe máy HONDA Dream, BKS: 20G1- xxxxx, xe cũ đã qua sử dụng, số khung: RLHHA0805AY288900, số máy: HAO8E – 1588995.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài chắn có 100 quân bài; 27 chiếc đũa tre đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu cói đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc cốc bằng nhựa; 01 (một) chiếc bát sứ.

- Trả lại bị cáo Nông Văn T số tiền 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) và 01 (một) chiếc ví da màu nâu bên ngoài có chữ H2 Leather 100% đã qua sử dụng; tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn M 01 (một) chiếc ví da màu đen đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/02/2019 giữa Công an huyện Đồng Hỷ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nông Văn T, Bế Văn L, Lường Văn S, Nguyễn Văn T, Trần Văn M và Hà Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc

- UBND xã VH, huyện Đồng Hỷ;
- Các Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.